TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH BÌNH THUẬN

Bản án số: 09/2020/DSST.
Ngày: 27/5/2020
V/v: Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Mận.

Các hội thẩm nhân dân : 1. Ông Thông Phi.

2. Bà Huỳnh Thị Yến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Ngọc Tú - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đông - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2020, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện T; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 303/2019/TLST - DS ngày 06/12/2019; về việc "*Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản*"; Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2020/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị T, sinh năm 1988; Địa chỉ: Thôn 3, xã Đ, huyện T, tỉnh Bình Thuận. Có mặt.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1959; Địa chỉ: Thôn 2, xã G, huyện T, tỉnh Bình Thuận. Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị Hồng P, sinh năm 1964; Địa chỉ: Thôn H, xã Đ1, huyện T, tỉnh Bình Thuận. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn - chị Hoàng Thị T yêu cầu:

Chị T khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị T1 phải trả lại cho chị T số tiền còn nợ là 342.000.đồng (Ba trăm bốn mươi hai triệu đồng). Căn cứ khởi kiện là: Do có quan hệ quen biết nhau nên khoảng từ tháng 6/2018 âm lịch đến tháng 5/2019 âm lịch bà Nguyễn Thị T1 đã vay tiền của chị Hoàng Thị T nhiều lần với các hình thức khác nhau như vay trả góp theo ngày, vay trả lãi hàng tháng. Thông thường thì với hình thức vay trả góp theo ngày chị Hoàng Thị T sẽ đưa cho bà Nguyễn Thị T1 mỗi dây là 11.300.000đồng,

bà T1 sẽ phải góp hàng ngày cho chị T mỗi ngày 400.000đồng và góp trong thời gian 30 ngày thành 12.000.000đồng. Đối với hình thức cho vay trả lãi hàng tháng thì chị Hoàng Thị T cho bà Nguyễn Thị T1 vay với lãi suất 3%/ tháng, tiền lãi phải trả hàng tháng. Bằng các hình thức như trên mỗi ngày chị Hoàng Thị T có thể cho bà Nguyễn Thị T1 vay nhiều dây góp khác nhau, có thời điểm 5 dây góp, có thời điểm lên đến 15 dây góp. Về tiền vay trả lãi theo tháng thì tùy theo nhu cầu của người vay mà số tiền cho vay mỗi thời điểm khác nhau, mức lãi suất bên vay phải trả hàng tháng là 3% trên số tiền vay. Trong quá trình làm ăn với nhau thì bà Nguyễn Thị T1 vay trả góp, trả lãi đều đặn cho chị Hoàng Thị T nhưng đến thời điểm cuối tháng 5/2019 âm lịch thì bà T1 đã ngưng không trả tiền cho chị Hoàng Thị T. Vì vậy, ngày 8/6/2019 âm lịch chị Hoàng Thị T và bà Nguyễn Thị T1 mới tính toán chốt lại với nhau số nợ 342.000.000đồng gồm có các khoản:

+ Khoản tiền vay trả góp: Bà T1 còn nợ lại 15 dây với tổng cộng số tiền 140.400.000đồng;

+ Khoản tiền vay: Bà T1 vay của chị T ba lần với tổng số tiền 180.000.000đồng, cụ thể các lần ngày 30/2/2019 âm lịch vay 100.000.000đồng; ngày 27/4/2019 âm lịch vay 50.000.000đồng và ngày 20/5/2019 âm lịch vay 30.000.000đồng.

+ Ngoài ra còn khoản tiền nợ cũ là 21.600.000đồng.

Về tiền lãi chị Hoàng Thị T yêu cầu bà Nguyễn Thị T1 phải trả lãi trên số nợ gốc 342.000.000đồng tính từ ngày 8/6/2019 âm lịch cho tới nay theo mức lãi suất do pháp luật quy định.

Chứng cứ mà chị Hoàng Thị T đã cung cấp cho Tòa án gồm: *Một mảnh giấy có ghi nội dung cô Năm nợ T, có thống kê các khoản, phần cuối có ghi 8/6 âm lịch 342.000.000đồng; 02 đĩa CD ghi âm cuộc nói chuyện giữa chị T và bà T1; một mảnh giấy có ghi nội dung theo dõi tiền góp hàng ngày do chị T ghi.*

Bị đơn – Bà Nguyễn Thị T1 trình bày:

Thực tế giữa bà Nguyễn Thị T1 không có nhu cầu vay tiền nên cũng chưa khi nào đặt vấn đề hỏi vay tiền của chị Hoàng Thị T mà do quá trình quen biết với nhau nên chị T biết được việc bà T1 có làm trung gian cho vay tiền. Vì vậy chị Hoàng Thị T có đặt vấn đề với bà Nguyễn Thị T1 tìm người có nhu cầu vay tiền giới thiệu cho chị T để chị T cho vay tiền thu lãi; hai người thống nhất với nhau khi bà T1 giới thiệu được món vay cho chị T thì sẽ được chị T cho 100.000đồng. Từ đó bà Nguyễn Thị T1 là người làm trung gian giới thiệu mối vay cho chị T, cụ thể khi ai có nhu cầu vay số tiền bao nhiêu thì bà T1 sẽ báo cho chị T và bà Nguyễn Thị T1 có trách nhiệm nhận tiền từ chị Hoàng Thị T giao lại cho người cần vay và thu tiền gốc lãi hàng ngày, hàng tháng rồi giao cho chị Hoàng Thị T. Cứ theo phương thức như vậy bà Nguyễn Thị T1 đã lấy tiền của chị Hoàng Thị T đưa cho bà Nguyễn Thị Hồng P vay bằng các hình thức cho vay trả góp hàng ngày, cho vay trả lãi theo tháng đúng như chị T đã trình bày. Đối với tất cả các

khoản vay như vậy thì bà P đều trả tiền góp theo ngày, trả tiền lãi hàng tháng cho bà Nguyễn Thị T1 và bà T1 giao lại cho chị Hoàng Thị T. Sau khi giao dịch làm ăn với hình thức trên một thời gian thì bà Nguyễn Thị Hồng P đã bỏ đi khỏi địa phương nên không đóng tiền trả góp cũng như tiền lãi vay cho bà T1 nên bà T1 không đóng qua cho chị Hoàng Thị T. Từ đó chị Hoàng Thị T đã thường xuyên đến nhà bà T1 đòi nợ, chửi bới bà T1. Những khoản tiền chị Hoàng Thị T đưa cho bà Nguyễn Thị T1 để bà T1 đưa cho bà Nguyễn Thị Hồng P vay thì chị Hoàng Thị T và bà Nguyễn Thị Hồng P đã tự lập sổ để theo dõi, bà T1 không lập sổ sách theo dõi các khoản vay này. Sau khi bà P bỏ đi một thời gian thì chị Hoàng Thị T có trực tiếp đến nhà bà T1 và tự tính toán các khoản tiền mà chị T đã đưa cho bà T1 để bà T1 đã đưa cho bà P vay là 342.000.000đồng. Sau khi chị Hoàng Thị T tính toán tổng số tiền 342.000.000đồng thì bà Nguyễn Thị T1 đã kiểm tra lại hai lần và xác nhận là đúng số tiền còn thiếu. Tuy nhiên trong tổng số tiền nợ đó bao gồm các khoản: 15 dây tiền góp còn nợ lại 140.400.000đồng; khoản tiền vay ngày 30/2/2019 âm lịch 100.000.000đồng là vay với hình thức trả góp trong thời gian 02 tháng, mỗi ngày phải trả 2.000.000đồng; Khoản vay ngày 27/4/2019 âm lịch 50.000.000đồng với lãi suất 6%/tháng chứ không phải là 3%/tháng như chị T đã trình bày; khoản ngày 20/5/2019 âm lịch 30.000.000đồng cũng với lãi suất 6%/tháng, nhưng khoản vay này bà Nguyễn Thị T1 đã trả cho chị Hoàng Thị T cả gốc và lãi là 35.200.000đồng vào khoảng tháng 8/2019 âm lịch.

Hiện nay chị Hoàng Thị T yêu cầu bà Nguyễn Thị T1 trả số tiền gốc 312.000.000đồng và tiền lãi phát sinh thì bà T1 hoàn toàn không đồng ý. Bà T1 yêu cầu bà Nguyễn Thị Hồng P phải trả cho chị Hoàng Thị T số tiền trên. Riêng số tiền vay 30.000.000đồng vào ngày 20/5/2019 âm lịch thì bà T1 đã tự trả gốc và lãi thay bà P nên không chấp nhận trả thêm cho chị T.

Bà Nguyễn Thị T1 không cung cấp chứng cứ gì cho Tòa án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà Nguyễn Thị Hồng P trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và ý kiến của bị đơn.

Giữa bà Nguyễn Thị Hồng P và chị Hoàng Thị T không quen biết với nhau và chưa từng giao dịch cho vay tiền với nhau. Do bà P có quan hệ quen thân với bà Nguyễn Thị T1 (tên thường gọi là Năm) nên bà P biết chị Hoàng Thị T là người có tiền cho vay. Do đó mỗi khi có nhu cầu vay tiền thì bà P trao đổi với bà T1 (bà Năm) rồi bà T1 hỏi vay tiền từ chị Hoàng Thị T khi vay được tiền thì bà Năm liên hệ với bà P để bà P đến lấy. Do chị em quen biết và tin tưởng nhau nên khi lấy tiền vay từ bà Năm, bà P không viết giấy tờ gì kể cả khi trả tiền góp hay tiền lãi thì bà P cũng đưa cho bà Năm để bà Năm đưa lại cho chị T chứ bà P cũng không ghi vào sổ sách. Các hình thức bà P vay tiền của bà Nguyễn Thị T1 cụ thể:

+ Vay trả góp theo ngày: Mỗi dây thì bà P nhận từ bà Nguyễn Thị T1 (tên thường gọi là Năm) 11.200.000đồng; mỗi ngày phải góp 400.000đồng, góp trong thời gian 30 ngày thành 12.000.000đồng; khi trả tiền góp thì bà P cũng đưa trực tiếp cho bà Năm. Có lúc bà P chỉ vay một dây, có lúc bà P vay nhiều dây; cứ mỗi lần bà P nhờ bà Năm vay tiền thì bà P cho cho bà Năm 100.000đồng. Số tiền vay trả góp theo hình thức này thì

hiện nay bà P còn nợ lại bà Năm 15 dây; những dây này bà P đã ngưng đóng từ ngày 27/5/2019 âm lịch cho đến nay tính thành tiền còn nợ lại 140.400.000đồng.

+ Về số tiền vay thì bà P vay bà Năm 3 lần, cụ thể như sau:

- Lần thứ nhất bà P vay 100.000.000đồng trả góp trong thời gian 02 tháng, mỗi ngày phải trả 2.000.000đồng. Khi trả hết bà P vay lại và trả góp trong khoảng 01 tháng nữa.

- Lần thứ hai: Bà P vay 50.000.000đồng với lãi suất 6%/tháng; bà P phải trả lãi hàng tháng; Tiền gốc chưa trả nhưng trả lãi được hai tháng.

- Lần thứ ba: Bà P vay 30.000.000đồng với lãi suất 6%/tháng; bà P chưa trả gốc và lãi cho bà Năm.

+ Về số tiền 21.600.000đồng nợ cũ thì bà P thừa nhận có nợ bà Năm.

Như vậy hiện nay bà Nguyễn Thị Hồng P thừa nhận đã vay tiền của bà Nguyễn Thị T1 (tên thường gọi là Năm) theo hình thức trả góp và hình thức vay trả lãi hàng tháng, hiện còn nợ lại tổng số tiền 342.000.000đồng. Mặc dù bà P biết nguồn gốc của các khoản tiền mà bà Năm đưa cho bà P vay là của chị Hoàng Thị T, tuy nhiên bà P chưa khi nào giao dịch vay mượn với chị Hoàng Thị T mà chỉ giao dịch trực tiếp với bà Nguyễn Thị T1 (Năm). Do đó bà P chỉ có trách nhiệm trả nợ cho bà Nguyễn Thị T1 (Năm) chứ không chấp nhận trả số tiền này cho chị Hoàng Thị T.

Bà Nguyễn Thị Hồng P không cung cấp chứng cứ gì cho Tòa án.

Các tình tiết mà các bên đã thống nhất với nhau:

+ Tiền góp còn nợ lại 15 dây với tổng số tiền là 140.400.000đồng;

+ Tiền nợ cũ 21.600.000đồng;

+ Số tiền vay ba lần vào các ngày 30/2/2019 âm lịch 100.000.000đồng; 27/4/2019 âm lịch 50.000.000đồng và 20/5/2019 âm lịch số tiền 30.000.000đồng.

Những tình tiết mà các đương sự chưa thống nhất:

+ Lãi suất phải trả hàng tháng đối với các khoản tiền vay: Theo nguyên đơn là 3%/tháng; bị đơn cho rằng 6%/tháng;

+ Về quá trình trả nợ : Theo nguyên đơn bị đơn mới trả lãi được tổng cộng số tiền 10.500.000đồng, tiền gốc chưa trả; theo bị đơn đối với khoản vay 30.000.000đồng ngày 20/5/2019 âm lịch thì bị đơn đã thanh toán đủ cho nguyên đơn cả gốc và lãi; các khoản vay còn lại đã trả lãi đến tháng 5/2019 âm lịch với mức lãi suất 6%/tháng.

+ Về nghĩa vụ trả nợ: Nguyên đơn chị Hoàng Thị T yêu cầu bị đơn là bà Nguyễn Thị T1 phải có trách nhiệm trả nợ; bị đơn bà Nguyễn Thị T1 không chấp nhận trả nợ vì cho rằng bà T1 chỉ làm trung gian cho vay tiền giữa chị T và bà Nguyễn Thị Hồng P. Vì vậy yêu cầu bà Nguyễn Thị Hồng P phải trả nợ cho chị T; Bà Nguyễn Thị Hồng P chỉ chấp nhận trả nợ cho bà Nguyễn Thị T1 chứ không chấp nhận trả nợ cho chị Hoàng Thị T.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

- Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, các đương sự đã thực hiện đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ của các đương sự theo quy định của BLTTDS.

- *Quan điểm giải quyết vụ án:* Đề nghị HĐXX áp dụng các điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015 để tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị T. Buộc bà Nguyễn Thị T1 phải trả cho chị Hoàng Thị T số tiền nợ vay là 342.000.000đ tiền gốc và tiền lãi theo quy định của pháp luật. Đề nghị miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm cho bà Nguyễn Thị T1 và hoàn lại tiền tạm ứng án phí đã nộp cho chị Hoàng Thị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nghe các đương sự trình bày; nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T phát biểu ý kiến, quan điểm giải quyết vụ án. Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp trong vụ án: Trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Hoàng Thị T vẫn giữ yêu cầu khởi kiện buộc bà Nguyễn Thị T1 trả số tiền nợ vay là 342.000.000đồng. Đây là số tiền mà bà T1 đã vay của chị Hoàng Thị T bằng các hình thức trả góp hàng ngày và trả lãi hàng tháng. Do đó HĐXX xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là "*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản"* theo quy định tại khoản 3, Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự và Điều 463 Bộ luật dân sự 2015.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – chị Hoàng Thị T:

Tại phiên Tòa hôm nay, nguyên đơn – chị Hoàng Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, buộc bị đơn bà Nguyễn Thị T1 (tên thường gọi là Năm) phải trả số tiền vay còn nợ là 342.000.000đồng. Đây là số tiền mà trước đây bà T1 đã vay bằng hình thức trả góp theo ngày và vay trả lãi hàng tháng. Trong suốt thời gian từ khoảng tháng 6/2018 âm lịch cho tới khoảng tháng 5/2019 âm lịch bà T1 (Năm) đã vay của chị Hoàng Thị T nhiều dây trả góp với hình thức cứ mỗi dây chị T đưa cho bà T1 (Năm) số tiền 11.300.000đồng, bà T1 (Năm) phải góp lại cho chị T mỗi ngày 400.000đồng, góp trong thời gian là 30 ngày, thành tiền 12.000.000đồng. Giai đoạn bà T1 (Năm) vay nhiều nhất là 15 dây. Tính đến thời điểm khoảng tháng 5/2019 âm lịch thì bà T1 còn vay chị Hoàng Thị T 15 dây trả góp hàng ngày, mỗi ngày bà T1 phải đóng tiền góp cho chị T là 6.000.000đồng. Từ ngày 27/5/2019 bà T1 đã ngưng không đóng tiền góp hàng ngày cho chị T. Tính tổng cộng số tiền bà T1 còn phải tiếp tục trả góp cho chị T đối với 15 dây đó là 140.400.000đồng.

Ngoài ra bà Nguyễn Thị T1 còn vay tiền của chị Hoàng Thị T các lần cụ thể như sau:

+ Lần thứ nhất: Ngày 30/2/2019 âm lịch chị T cho bà T1 vay 100.000.000đồng thỏa thuận lãi suất 3.000.000đồng/tháng, tiền lãi đã đóng được 3 tháng tương ứng với số tiền 9.000.000đồng;

+ Lần thứ 2 ngày 27/4/2019 âm lịch chị T cho bà T1 vay thêm 50.000.000đồng, lãi suất 1.500.000đồng/tháng, mới đóng được 01 tháng tiền lãi tương ứng với số tiền 1.500.000đồng;

+ Lần thứ ba vào ngày 21/5/2019 âm lịch chị T tiếp tục cho bà T1 vay 30.000.000đồng, tiền lãi 900.000đồng /tháng nhưng chưa đóng lãi.

Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị T1 cũng thừa nhận đã vay chị Hoàng Thị T những lần như trên, đồng thời thừa nhận số tiền còn nợ lại chị T cụ thể là tiền vay trả góp theo ngày còn nợ lại 15 dây là 140.400.000đồng; các khoản tiền vay ngày 30/2/2019 là 100.000.000đồng trả góp hàng ngày mỗi ngày 2.000.000đồng, trả trong thời gian 2 tháng; khoản tiền vay ngày 27/4/2019 âm lịch là 50.000.000đồng đã trả lãi được 1 tháng là 1.500.000đồng; còn khoản tiền vay 30.000.000đồng ngày 21/5/2019 thì bà T1 đã thanh toán đủ cho chị T cả gốc và lãi là 35.200.000đồng. Do toàn bộ số tiền vay nói trên bà T1 chỉ làm trung gian giao nhận tiền giữa chị T và bà Nguyễn Thị Hồng P nên hiện nay bà T1 không chấp nhận trả nợ cho chị T mà yêu cầu bà P phải trả nợ cho chị T.

Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị Hồng P cũng thừa nhận bà có vay tiền trực tiếp của bà Nguyễn Thị T1, hiện tại còn nợ lại 15 dây tiền góp với tổng số tiền còn phải góp là 140.400.000đồng. Ngoài ra có vay tiền ba lần với tổng số tiền 180.000.000đồng. Cho đến thời điểm hiện nay thì bà P chưa trả được số nợ nói trên cho bà Nguyễn Thị T1. Bà P chấp nhận trả cho bà Nguyễn Thị T1 số tiền này. Riêng đối với chị Hoàng Thị T thì bà P không trực tiếp giao dịch vay mượn nên không có trách nhiệm trả nợ.

Xét thấy:

Đối với số nợ 15 dây trả góp thì nguyên đơn và bị đơn đã thống nhất số tiền còn nợ là 140.400.000đồng.

Đối với khoản nợ vay 100.000.000đồng ngày 30/2/2019 âm lịch: Nguyên đơn chị Hoàng Thị T cho rằng khoản vay này bà T1 vay trả lãi hàng tháng, mỗi tháng trả 3.000.000đồng (tương ứng với mức lãi suất 3%/tháng), bà T1 đã trả lãi được 3 tháng là 9.000.000đồng. Bị đơn bà Nguyễn Thị T1 vẫn thừa nhận khoản vay này và xác nhận chưa trả số tiền nợ gốc 100.000.000đồng do vay trả góp hàng ngày khi trả gần hết lại vay lại. Tuy nhiên bà Nguyễn Thị T1 không đưa ra được chứng cứ để chứng minh việc trả góp hàng ngày 2.000.000đồng cho chị T trong thời gian dài nên không có căn cứ để xem xét tính lại tiền lãi. Tuy nhiên đối với khoản tiền lãi mà chị Hoàng Thị T thừa nhận là đã nhận của bà T1 với mức lãi suất 3%/tháng là vượt quá mức quy định tại điều 468 Bộ luật dân sự (theo quy định tại khoản 1 điều 468 Bộ luật dân sự 2015 quy định "*Lãi suất do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có*

liên quan quy định khác….” nên cần phải xem xét tính lại khoản tiền lãi này; phần lãi đã trả vượt quá sẽ được trừ vào tiền gốc. Theo đó tiền lãi theo quy định của pháp luật đối với khoản vay này là: 100.000.000đồng x 1,667%/tháng x 3 tháng = 5.001.000đồng; Tiền lãi thực tế bà T1 (Năm) đã đóng cho chị T là 9.000.000đồng. Như vậy tiền lãi đã trả vượt quá mức quy định của pháp luật là 3.999.000đồng (9.000.000đồng - 5.001.000đđồng); khoản tiền này sẽ được trừ vào nợ gốc. Số tiền nợ gốc của khoản vay này còn lại: 96.001.000đồng.

Đối với khoản vay 50.000.000đồng ngày 27/4/2019: Nguyên đơn chị Hoàng Thị T và bị đơn bà Nguyễn Thị T1 đều thống nhất với nhau về mức lãi suất là 3%/tháng và thống nhất về mức lãi suất 3%/tháng, số tiền đã trả lãi là 1.500.000đồng. Mức lãi suất 3%/tháng do hai bên đã thỏa thuận và thực hiện vượt quá mức lãi suất do pháp luật cho phép, vì vậy cũng cần phải tính lại khoản tiền lãi này. Theo đó tiền lãi theo quy định của pháp luật đối với khoản vay này là: 50.000.000đồng x 1,667% /tháng x 1 tháng = 833.500đồng; Tiền lãi thực tế bà T1 (Năm) đã đóng cho chị T là 1.500.000đồng. Như vậy tiền lãi đã trả vượt quá mức quy định của pháp luật là 666.500đồng (1.500.000đồng – 833.500 đồng); khoản tiền này sẽ được trừ vào nợ gốc. Số tiền nợ gốc của khoản vay này còn lại: 49.333.500đồng

Đối với khoản tiền vay 30.000.000 đồng ngày 21/5/2019 âm lịch hai bên thống nhất về số tiền vay, không thông nhất về lãi suất và số tiền đã trả. Bị đơn bà Nguyễn Thị T1 cho rằng bà T1 đã thanh toán hết số tiền nợ này cho chị T với tổng cộng cả gốc và lãi là 35.200.000đồng, trong đó 30.000.000đồng tiền gốc và 5.200.000đồng tiền lãi. Việc thanh toán số nợ này sau thời điểm chị T tính toán số tiền nợ với bà T1 nhưng bà T1 không yêu cầu chị T gạch sổ hay trừ nợ; bà T1 cũng không đưa ra được chứng cứ nào khác để chứng minh cho việc đã thanh toán đủ khoản nợ này. Chị Hoàng Thị T hoàn toàn không thừa nhận việc bà T1 đã thanh toán khoản tiền này. Vì vậy Hội đồng xét xử xác định bà Nguyễn Thị T1 vẫn còn nợ chị Hoàng Thị T 30.000.000đồng của khoản vay này.

Đối với khoản tiền nợ cũ các nguyên đơn và bị đơn đã thừa nhận với nhau là 21.600.000đồng.

Từ sự phân tích, tính toán nên trên. Hội đồng xét xử xác định số tiền nợ gốc mà bà Nguyễn Thị T1 còn nợ chị Hoàng Thị T là 337.334.500đồng.

Xét đối với yêu cầu tính lãi của nguyên đơn:

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Hoàng Thị T yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị T1 phải chịu lãi trên số tiền nợ gốc 342.000.000đồng tính từ ngày hai bên thống nhất tính toán nợ là ngày 8/6/2019 âm lịch theo mức lãi suất do pháp luật quy định. Tuy nhiên sau khi khấu trừ phần tiền lãi đã trả vượt quá vào số tiền nợ gốc thì Hội đồng xét xử xác định đến thời điểm ngày 8/6/2019 âm lịch số tiền nợ gốc còn lại là 337.334.500đồng. Theo đó tiền lãi được tính:

Từ ngày 8/6/2019 âm lịch (tức ngày 10/7/2019 dương lịch) đến ngày 27/5/2020 là 10 tháng 17 ngày;

337.334.500đồng x 1.667%/tháng x 10 tháng 17 ngày = 59.416.000đồng.

Tổng cộng cả gốc và lãi là 396.750.500đồng (Ba trăm chín mươi sáu triệu bảy trăm năm mươi ngàn năm trăm đồng).

Xét về nghĩa vụ trả nợ:

Tại phiên tòa chị Hoàng Thị T yêu cầu bà Nguyễn Thị T1 phải có trách nhiệm trả nợ gốc và lãi cho chị T vì bà T1 là người trực tiếp vay tiền của chị T. Bị đơn bà Nguyễn Thị T1 không chấp nhận trả nợ cho chị Hoàng Thị T vì cho rằng bà chỉ làm trung gian việc cho vay tiền giữa chị T và bà Nguyễn Thị Hồng P nên yêu cầu bà Nguyễn Thị Hồng P phải có nghĩa vụ trả nợ cho chị T. Bà Nguyễn Thị Hồng P xác nhận không trực tiếp vay tiền từ chị Hoàng Thị T mà chỉ vay tiền của bà Nguyễn Thị T1 nên cũng không chấp nhận trả nợ cho chị Hoàng Thị T. Hội đồng xét xử xét thấy: Người trực tiếp vay mượn tiền của chị Hoàng Thị T là bà Nguyễn Thị T1 chứ không phải là bà Nguyễn Thị Hồng P. Do đó không có căn cứ để buộc bà P trả nợ cho chị T mà phải buộc bà T1 trả nợ cho chị T là phù hợp với quy định tại điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

Như vậy cần buộc bà Nguyễn Thị T1 phải trả cho chị Hoàng Thị T tổng cộng số tiền còn nợ là 396.750.500(trong đó 337.334.500 đồng tiền nợ gốc và 59.416.000tiền nợ lãi).

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị T được chấp nhận toàn bộ nên bà Nguyễn Thị T1 nộp án phí DS/ST; trả lại tiền tạm ứng án phí DSST cho chị T là phù hợp với quy định tại các Điều 146, 147 BLTTDS và Nghị quyết 326/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuy nhiên bà Nguyễn Thị T1 hiện nay đã trên 60 tuổi nên được miễn nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là phù hợp với quy định tại điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2014 của Uỷ ban thường vụ quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; các Điều 146, 147, 159, 160, 161, 203 Bộ luật TTDS;

- Các Điều 463, 466 BLDS 2015 và khoản 2 Điều 357 BLDS 2015;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2014 của Uỷ ban thường vụ quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị T:

Buộc bà Nguyễn Thị T1 phải có nghĩa vụ trả cho chị Hoàng Thị T số tiền 396.750.500đồng (trong đó 337.334.500 đồng tiền nợ gốc và 59.416.000 đồng tiền nợ lãi).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi

của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không thỏa thuận được về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí:

Miễn nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho bà Nguyễn Thị T1.

- Hoàn lại cho chị Hoàng Thị T số tiền 8.550.000đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số N. 0027094, ngày 6/12/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện T.

Án xử sơ thẩm. Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 27/5/2020). (Đã giải thích quyền kháng cáo).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án Dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện T;
- TAND tỉnh Bình Thuận
- Các đương sự……;
- Chi cục Thi hành án DS h.Tánh Linh;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Dương Thị Mận